TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 558/2020/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 05 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 795/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Ngàn Kim M, sinh năm 1986; nơi thường trú: Số 67 phố 5, ấp 2, xã L, huyện Q, tỉnh Đồng Nai; nơi tạm trú: B10/23 khu phố T, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

- Ông Ting Wen L, sinh năm 1971; nơi thường trú: Lầu 3, số 161-10 Jianmin, cụm 3, xóm Y, khu P, thành phố TaiPei, Đài Loan; nơi tạm trú: B10/23 khu phố T, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Ngàn Kim M và ông Ting Wen L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 981, số vào sổ đăng ký kết hôn số 56, quyển số 01/2008, ngày 21/01/2008. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông L và bà M yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Ting Wen L và bà Ngàn Kim M có 02 con chung tên Đinh Gia H (Ting Chia H), sinh ngày 01/8/2006 và Đinh Gia N (Ting Chia Y), sinh ngày 06/01/2008. Sau khi ly hôn, ông L và bà M cùng thống nhất giao 02 con chung cho bà Ngàn Kim M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng: Ông Ting Wen L và bà Ngàn Kim M thống nhất, ông Ting Wen L sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 10.500.000 đồng/tháng/người con cho

đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9/2020.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông L và bà M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Ngàn Kim M và ông Ting Wen L

Về con chung: Bà Ngàn Kim M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Đinh Gia H (Ting Chia H), sinh ngày 01/8/2006 và Đinh Gia N (Ting Chia Y), sinh ngày 06/01/2008.

Về cấp dưỡng: Ông Ting Wen L cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 10.500.000 đồng/tháng/người con. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Bà Ngàn Kim M và ông Ting Wen L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0046991 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Huỳnh Minh Trí